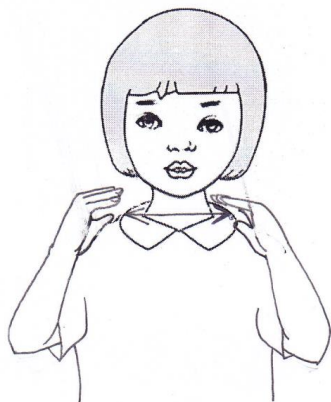


Bài 10.

THỰC HÀNH NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

CHỦ ĐỀ: THỰC VẬT

CÁC KÝ HIỆU



Quả dưa hấu

Hai tay giống chữ cái ngón tay “C”, lòng bàn tay hướng vào nhau, đầu ngón tay hướng vào nhau, đặt song song, trước ngực, đưa đồng thời hai tay theo đường cong về hai bên.



Quả táo

Tay phải khép, khum lại, lòng bàn tay hướng vào trong, đặt sát vào cánh tay trái, đưa nhẹ tay lên-xuống (lặp lại 2-3 lần).



Quả lê

1. Tay phải mở, khum lại, lòng bàn tay và đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực.
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “L”, lòng bàn tay hướng về phía trước, đầu ngón tay hướng lên trên, đưa tay theo đường vòng cung xuống dưới-sang trái.



Quả cam

1&2. Tay phải mở, khum, lòng bàn tay úp, đặt trước ngực, giữ nguyên cánh tay, cử động các ngón tay về vào nhau giống động tác vắt nước cam.



Quả quýt

Tay trái chụm lại, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực. Tay phải chụm lại, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng xuống dưới, đặt phía trên, gần với tay trái, đưa tay xuống dưới (lặp lại 2-3 lần).



Quả mít

Tay phải khép, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt trước ngực. Tay phải mở, đầu ngón cái và ngón giữa chạm vào nhau, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng về phía trước, đặt bên trên tay trái, búng ngón cái và ngón giữa lên mu bàn tay trái (lặp lại 2-3 lần).



Quả đào

1. Tay phải khép, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực, đưa nhẹ tay lên trên.
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “Đ”, đặt trước ngực.



Quả sầu riêng

Hai tay khép, hơi khum, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay của hai tay hướng sang hai bên và chạm vào nhau, đặt trước ngực, đưa đồng thời cả hai tay về hai phía.



Quả ổi

Tay phải chụm lại, lòng bàn tay hướng sang trái, đặt sát các đầu ngón tay vào khoe miệng phải, giữ nguyên cánh tay, lắc cổ tay qua-lại 2-3 lần.



Quả khế

Tay trái khép, khum lại, lòng bàn tay hướng sang phải, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực. Tay phải giống chữ cái ngón tay "K", lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt gần đầu ngón tay trái, đưa tay theo đường vòng cung xuống dưới chỗ cổ tay trái.



Quả roi

Hai tay nắm, ngón cái mở ra, hướng thẳng lên trên, lòng bàn tay hướng vào nhau, đặt sát nhau, trước ngực, giữ nguyên cánh tay, gập đồng thời hai ngón tay cái lên- xuống 1-2 lần.



Quả chanh

Tay phải nắm, ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa mở ra, khum lại, lòng bàn tay úp, đặt trước ngực, giữ nguyên cánh tay, cử động các ngón tay vê vào nhau.



Quả nhãn

Tay trái giống chữ cái ngón tay “O”, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực. Tay phải giống chữ cái ngón tay “I”, lòng bàn tay úp, đặt chạm đầu ngón út lần lượt lên đầu các ngón tay của bàn tay trái.



Quả vải

Hai tay chụm, lòng bàn tay hướng vào nhau, đặt trước ngực, chạm các đầu ngón tay vào nhau, giữ nguyên tay trái, đưa nhẹ tay phải xuống dưới (2-3 lần).



Quả đu đủ

Hai tay khép, hơi khum, lòng bàn tay hướng vào nhau, đầu ngón tay hướng về phía trước, đặt trước ngực, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, giữ nguyên tay trái, đưa tay phải trong lòng bàn tay trái từ đầu các ngón tay đến cổ tay trái



Quả dứa

1&2. Tay trái khép, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng sang phải, đặt trước ngực. Tay phải khép, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng về trước, đặt chạm lên mu bàn tay trái, đưa tay về trước đồng thời úp-ngửa cổ tay (2 lần).



Quả hồng

1. Tay phải mở, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực.
2. Tay phải giống số “1”, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt chạm ngón trỏ vào miệng, đưa tay xuống dưới.



Quả bưởi

Tay trái mở, hơi khum, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực. Tay phải khép, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt áp vào mu bàn tay trái, đưa tay phải quanh mu bàn tay trái.



Quả dưa

Tay trái giống chữ cái ngón tay “C”, lòng bàn tay hướng sang phải, đặt trước ngực. Tay phải khép, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng về trước, đặt gần, bên trên tay trái, đưa mạnh tay xuống dưới (2 lần).



Quả na

Tay trái mở, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực. Tay phải nắm, ngón cái và ngón trỏ mở ra, chạm vào nhau, đặt chạm vào đầu ngón út tay trái, rồi lần lượt đưa chạm vào các ngón tay khác của tay trái.



Quả nhỏ

Tay trái giống số “1”, lòng bàn tay và đầu ngón tay hướng xuống dưới, đặt trước ngực. Tay phải mở, ngón cái và ngón trỏ chạm vào nhau, giống chữ cái ngón tay “O”, lòng bàn tay hướng sang trái, đặt chạm vào gốc ngón trỏ trái, đưa tay 3 bậc xuống dưới đầu ngón trỏ trái.



Quả chuối

Tay trái nắm, lòng bàn tay vào trong, đặt trước ngực. Tay phải nắm, ngón cái và ngón trỏ mở ra, chạm vào nhau, lòng bàn tay úp, đặt bên trên tay trái, đưa tay theo đường vòng cung xuống dưới (2 lần).



Quả

Tay phải mở, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa nhẹ tay xuống dưới.



Vỏ

Tay trái nắm, lòng bàn tay úp, đặt trước ngực. Tay phải chụm, lòng bàn tay úp, đặt chạm các đầu ngón tay vào mu bàn tay trái, đưa tay dọc trên mu bàn tay trái.



Múi

1&2. Tay trái mở, hơi khum, lòng bàn tay hướng ngửa, đặt trước ngực. Tay phải nắm, ngón cái và ngón trỏ chạm vào nhau, đặt chạm đầu ngón cái và ngón trỏ vào đầu ngón tay áp út, đưa tay xuống dưới rồi lần lượt sang các ngón tay khác.



Hạt

Tay phải nắm, đầu ngón cái và ngón út chạm vào nhau, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực.



Nụ

Tay phải khum, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa nhẹ nhàng các ngón tay chụm lại.



Hoa

Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa tay lên trên đồng thời mở xòe các ngón tay ra.



Hoa hồng

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa tay lên đồng thời mở xòe các ngón tay ra.
2. Tay phải khép, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt áp vào má phải, xoay tròn tay trên má.



Hoa loa kèn

- Tay trái khép, lòng bàn tay ngửa, đặt ngang trước ngực. Tay phải chụm, lòng bàn tay hướng sang trái, đặt chạm khuỷu tay vào lòng bàn tay trái, giữ nguyên cánh tay, mở xòe các ngón tay ra (2 lần).



Hoa sữa

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực, đưa tay lên trên đồng thời mở xòe tay ra.
2. Tay trái giống chữ cái ngón tay “O”, lòng bàn tay hướng vào trong, đặt trước ngực. Tay phải nắm, ngón cái choãi ra, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng xuống dưới, đặt trên tay trái, giữ nguyên cánh tay, xoay cổ tay 1-2 vòng theo chiều kim đồng hồ.



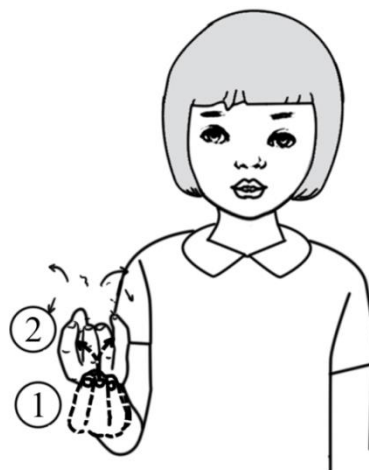
Hoa huệ

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực, đưa tay lên trên đồng thời mở xòe tay ra.
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “H”, lòng bàn tay hướng về phía trước, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực.



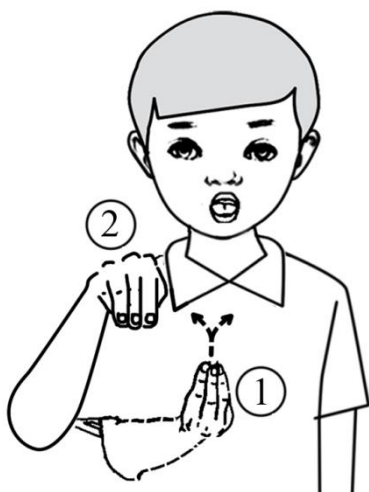
Hoa sen

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực, đưa tay lên trên đồng thời mở xòe tay ra.
2. Hai tay khép, khum lại, lòng bàn tay hướng vào nhau, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt sát nhau, trước ngực, giữ nguyên cánh tay, mở từ từ đồng thời hai bàn tay về hai phía.



Hoa cúc

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa tay lên đồng thời mở xòe các ngón tay ra.
2. Tay phải mở, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, hơi mở các ngón tay ra.



Hoa mai

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa tay lên đồng thời mở xòe các ngón tay ra.
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “M”, đặt trước ngực.



Hoa đào

1. Tay phải chụm, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực, đưa tay lên đồng thời mở xòe các ngón tay ra.
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “Đ”, đặt phía trước cổ.



Hoa lay ơn

Tay trái giống số “1”, lòng bàn tay hướng sang phải, đầu ngón tay hướng chéo sang trái, đặt bên trái. Tay phải chụm, lòng bàn tay hướng sang trái, đặt chạm các đầu ngón tay vào khuỷu tay trái, đưa tay lên trên và chạm vào 3 vị trí khác nhau trên cánh tay trái.



Cánh

Tay trái chụm, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực. Tay phải mở xoè rộng, lòng bàn tay ngửa, đầu ngón tay hướng về phía trước, đặt áp vào mu bàn tay trái.



Nhị

Tay trái mở, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực. Tay phải nắm, ngón cái và ngón trỏ chụm vào nhau, lòng bàn tay hướng xuống dưới, đặt gần, bên trên lòng bàn tay trái, đưa tay lên- xuống (2 lần)



Cây

Tay phải mở, hơi khum, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt bên phải, giữ nguyên cánh tay, rung bàn tay.



Thân cây

Tay trái mở, hơi khum, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt bên phải, giữ nguyên cánh tay, rung bàn tay. Tay phải nắm vào cổ tay trái rồi vuốt dọc xuống khuỷu tay trái.



Lá cây

Tay trái khép, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng chéo sang phải, đặt trước ngực. Các ngón bàn tay phải đặt ôm vào cổ tay trái, rồi vuốt dọc theo bàn tay trái lên phía các ngón tay trái.



Gốc cây

Tay trái mở, hơi khum, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt bên phải, giữ nguyên cánh tay, rung bàn tay. Tay phải giống số "1", lòng bàn tay úp, đặt chạm vào khuỷu tay trái, đưa tay quanh khuỷu tay trái.



Cành cây

Tay trái mở, hơi khum, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt bên phải, giữ nguyên cánh tay, rung bàn tay. Tay phải nắm, lòng bàn tay úp, đặt chạm vào cẳng tay trái, đưa tay theo hình vòng cung về phía trước.



Rễ cây

Tay trái mở, hơi khum, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt bên phải, giữ nguyên cánh tay, rung bàn tay. Tay phải giống số “1”, lòng bàn tay úp, đặt chạm vào khuỷu tay trái, đưa tay xuống dưới.



Rau muống

1. Hai tay nắm, đầu ngón cái và ngón trỏ chạm vào nhau, lòng hai bàn tay úp, giữ nguyên tay trái, đưa tay phải về trước giống hành động cầu rau (2 lần).
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “M”, đặt trước ngực.



Rau cải

1. Hai tay nắm, đầu ngón cái và ngón trỏ chạm vào nhau, lòng hai bàn tay úp, giữ nguyên tay trái, đưa tay phải về trước giống hành động cầu rau (2 lần).
2. Tay phải giống chữ cái ngón tay “C”, đặt trước ngực.



Su hào

- 1,2&3. Tay trái mở xòe, khum, lòng bàn tay hướng ngửa, đặt trước ngực. Tay phải giống số “1”, lòng bàn tay úp, đặt đầu ngón tay trỏ chạm vào đầu ngón giữa tay trái rồi đưa cong ra 3 hướng khác nhau.



Cà rốt

1. Tay phải nắm, lòng bàn tay úp, đặt gần khớp miệng phải, xoay cổ tay phải ra vào
2. Tay phải giống số “1”, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt chạm ngón trỏ vào miệng, đưa tay xuống dưới.



Bắp cải

Hay tay khép, hơi khum, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực, tay trái ở trong, tay phải đặt áp lên mu tay trái, đưa tay phải sang bên trái.



Quả ớt

1&2. Tay phải nắm, ngón cái và ngón trỏ mở ra, chạm vào nhau, lòng bàn tay hướng sang trái, đặt chạm đầu ngón tay vào khớp miệng phải, đưa tay sang phải, đồng thời mở xòe các ngón tay ra, mặt nhẵn lại.



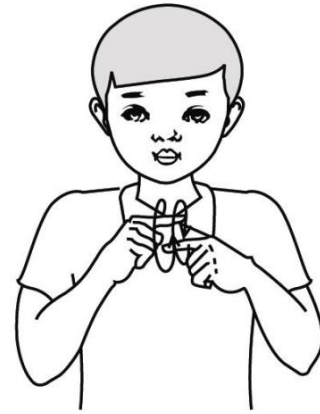
Cà chua

1. Tay phải mở, khum lại, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực
2. Tay phải giống số “1”, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt chạm ngón trỏ vào miệng, đưa tay xuống dưới.



Khoai tây

Tay trái nắm, lòng bàn tay úp, đặt trước ngực. Tay phải giống số “1”, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng sang phải, đặt chạm ngón trỏ lên mu bàn tay trái, xoay cổ tay quanh mu bàn tay trái.



Khoai lang

Tay trái giống số “1”, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng sang phải, đặt trước ngực. Tay phải nắm, ngón cái và ngón trỏ mở ra, chạm vào nhau, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt gần tay trái, đưa tay phải xoay quanh tay trái.



Quả gấc

Tay trái mở, khum, lòng bàn tay ngửa, đặt trước ngực. Tay phải giống chữ cái ngón tay “I”, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt gần tay trái, đưa chạm đầu ngón út lần lượt vào các ngón tay của tay trái.



Mùi thơm

Tay phải khép, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt phía trước mặt, đưa tay vào sát mũi, đồng thời hít sâu vào.



Thối

Tay phải khép, hơi khum, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt trước mũi, đưa tay xuống dưới.



Xanh

Tay phải giống chữ cái ngón tay “X”, lòng bàn tay hướng về phía trước, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt trước ngực, giữ nguyên cánh tay, lắc cổ tay sang hai bên (lặp lại 2-3 lần).



Chín

Tay phải giống chữ cái ngón tay “C”, lòng bàn tay hướng sang trái, đặt trước vai phải, mở- chạm các đầu ngón tay vào nhau 2-3 lần.



Ngọt

Tay phải khép, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt chạm vào cổ, đưa tay xuống dưới.



Chua

Hai tay giống chữ cái ngón tay “O”, lòng bàn tay hướng vào nhau, đặt gần hai bên khóe miệng, đưa đồng thời hai tay sang hai bên đồng thời mở tay ra, mặt nhăn lại.



Cay

Tay phải khép, lòng bàn tay úp, đầu ngón tay hướng sang trái, đặt gần trước khóe miệng phải, giữ nguyên cánh tay, gập cổ tay lên xuống (lặp lại 2-3 lần).



Mặn

Tay phải giống chữ cái ngón tay “T”, lòng bàn tay hướng vào trong, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt chạm vào khóe miệng phải đồng thời mặt nhăn lại.



Đắng

Tay phải giống chữ cái ngón tay “Đ”, lòng bàn tay hướng sang trái, đầu ngón tay hướng lên trên, đặt phía trước mặt, đưa tay theo đường vòng cung xuống dưới- ra phía trước đồng thời lưỡi thè ra, mặt nhăn lại.

Bài tập thực hành 1: Thực hành các mẫu giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu

Ngôn ngữ nói

1. Hỏi về sở thích các loại hoa

Mẫu 1. Bạn thích hoa gì?

Tôi thích hoa hồng.

Vì sao bạn thích hoa hồng?

Vì hoa hồng rất thơm

Bạn thích hoa hồng màu gì?

Tôi thích hoa hồng màu vàng

Mẫu 2. Bạn thích hoa huệ không?

Không. Tôi thích hoa cúc.

2. Hỏi về sở thích các loại quả

Mẫu 1. Bạn thích ăn quả gì?

Tôi thích ăn cam.

Mẫu 2. Bạn thích ăn dưa hấu không?

Có.

Vì sao bạn thích ăn dưa hấu?

Vì dưa hấu ngọt và mát.

Ngôn ngữ kí hiệu

Bạn/ hoa/ thích/ gì?

Tôi/ hoa hồng/ thích.

Vì sao?

Vì/ hoa hồng/ thơm

Bạn/ hoa hồng/ màu/ thích/ gì?

Tôi/ hoa hồng/ màu vàng/ thích.

Bạn/ hoa huệ/ thích/ không?

Không (kết hợp động tác lắc đầu).

Tôi/ hoa cúc/ thích.

Bạn/ quả/ thích ăn/ gì?

Tôi/ cam/ thích ăn.

Bạn/ dưa hấu/ thích ăn/ không?

Có (kết hợp động tác gật đầu)








































Vì sao?

Vì/ dưa hấu/ ngọt/ mát.

Bài tập thực hành 2:

Bài hát kí hiệu: EM YÊU CÂY XANH

Nhạc và lời: Hoàng Văn Yên

							
Em	rất thích	trông	nhiều	cây xanh.	Cho	con chim	nhảy nhót
							
trên cành	Sân	chơi	sẽ có	nhiều	bóng mái	cho	trường
							
em	Muôn	hoa	đẹp xinh	Cô giáo	dạy	em	yêu
							
cây xanh.	Cây	có	hoa	quả	chín	trên cành.	Vui mừng vui
							
em sẽ	lớn	nhanh	để mùa x	mãi mê	của	em.	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, Lê Hữu Tĩnh (2008), *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt (theo chương trình và sách giáo khoa mới)*. Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Barbara Lee Crickmore, *Education of the deaf and hearing impaired: a brief history*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học*.
4. David A. Stewart, Thomas N. Kluwin (2001), *Teaching Deaf and Hard of Hearing Student, content, strategies, and curriculum*, United states of America.
5. Dự án “Giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính” (2003), *Ký hiệu của người điếc Việt Nam, Quyển 1*.
6. Dự án “Giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính” (2003), *Ký hiệu của người điếc Việt Nam, Quyển 2*.
7. Dự án “Giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính” (2003), *Ký hiệu của người điếc Việt Nam, Quyển 3*.
8. Nguyễn Thị Cẩm Hương (2006), *Dự án Bàn tay nở hoa – Dự án Vì cộng đồng*, Hội đồng Anh, Báo Tuổi trẻ.
9. I.G Kyle and B.Woll with G.Pullen and F.Maddix (2002), *Sign Language, the study of deaf and their language*, Cambridge University, United Kingdom.
10. NDCS (2004), *Sign Language and your deaf child*, United Kingdom.
11. Marc Marschark, Harry G. Lang, Jonh A. Albertini (2002), *Educating Deaf Students, From Research to Practice*, Oxford University press.
12. Marc Marschark, P. E. Spencer (2003), *Oxford handbook of Deaf Studies, Language and Education*, Oxford University press.
13. Sandy Niemann, Devorah Greenstein and Darienna David (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, Nhà xuất bản Lao động. Hà Nội.
14. Vương Hồng Tâm (2009), “*Nghiên cứu cách biểu đạt ngôn ngữ kí hiệu của người Điếc Việt Nam*”, Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ: V2007–19.

15. Trần Thị Thiệp (Chủ biên), Bùi Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm (2016), *Giáo trình Ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
16. Thông tư Ban hành quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật số 172020/TT-BGDĐT, ngày 29/6/2020, Thứ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã kí.